



## Trac Nghiem Kinh te chinh tri

Kinh tế chính trị (Đại học Kinh tế Quốc dân)

# TRẮC NGHIỆM KINH TẾ CHÍNH TRỊ

## 1. Sản xuất hàng hóa:

A. Là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó những người sản xuất ra sản phẩm không phải để tiêu dùng cho bản thân mà để trao đổi, mua bán trên thị trường.

B. Là một kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó sản phẩm được sản xuất ra cho người sản xuất và gia đình của họ

C. Hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế

D. Là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định

## 2. Thuộc tính xã hội của hàng hóa là gì?

A. Giá trị sử dụng của hàng hóa

B. Giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa

C. Giá trị trao đổi của hàng hóa

D. Giá trị của hàng hóa

## 3. Chọn phương án diễn đạt SAI:

A. Giá cả sản xuất là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị;

B. Khi tiền xuất hiện, giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định, gọi là giá cả hàng hóa.

C. Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị

D. Giá trị là nội dung, là cơ sở của trao đổi

## 4. Lao động trù tượng: 41

A. Là lao động không cần quá trình đào tạo đặc biệt cũng có thể làm được.

B. Là những loại lao động phải trải qua một quá trình đào tạo theo yêu cầu của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Đây là lao động phải được đào tạo, huấn luyện thành lao động lành nghề

C. Lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định.

D. Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá không kể đến hình thức cụ thể của nó. Đó là sự hao phí sức lao động của người sản xuất hàng hoá nói chung về cơ bắp, thần kinh, trí óc.

**5. Vai trò của lao động trừu tượng trong sản xuất hàng hóa: 41**

A. Nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa

B. Tạo ra giá trị hàng hóa

C. Tạo ra tính hữu ích của sản phẩm làm cho sản phẩm có giá trị

D. Tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa

**6. Nhân tố nào quyết định giá cả? 70**

A. Giá trị hàng hóa

B. Quan hệ cung - cầu về hàng hóa

C. Giá trị tiền tệ

D. Giá trị

**7. Cơ sở căn bản của giá cả thị trường là: 70**

A. Giá trị sử dụng hàng hóa

B. Cung – cầu

C. Giá trị hàng hóa

D. Thị hiếu, mốt thời trang

**8. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá:**

A. Phải có sự tách biệt giữa các chủ thể sản xuất

B. Phân công lao động xã hội phải đạt đến trình độ phát triển nhất định

C. Xã hội có sự phân công lao động nhất định và có sự tách biệt về kinh tế của các chủ thể sản xuất

D. Có sự tồn tại của thị trường

**9. Trong phương trình 1m vải = 2kg gà. Hình thái giá trị của 1m vải ở đây là:**

A. Hình thái (vật) ngang giá

B. Hình thái giá trị tuyệt đối

C. Không có đáp án đúng

D. Hình thái giá trị tương đối

**10. Trong hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên:**

A. Các đáp án trên đều sai

B. Việc trao đổi mang tính chất gián tiếp

C. Việc trao đổi mang tính chất trực tiếp

**11. Làm chức năng thước đo giá trị, tiền dùng để**

A. Tiền được rút ra khỏi lưu thông, đi vào cất trữ dưới hình thái vàng, bạc và sẵn sàng tham gia lưu thông khi cần thiết

B. Tiền dùng để biểu hiện và đo lường giá trị của tất cả các hàng hóa khác nhau.

C. Tiền được dùng để chi trả sau khi việc giao dịch, mua bán đã hoàn thành, tức thanh toán việc mua bán chịu.

D. Tiền được dùng làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hóa.

**12. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông:**

A. Tỷ lệ thuận với tổng số giá cả hàng hóa được đưa ra thị trường và tỷ lệ nghịch với tốc độ lưu thông của tiền tệ.

B. Tỷ lệ nghịch với tốc độ lưu thông của tiền tệ.

C. Tỷ lệ thuận với tổng số giá cả hàng hóa được đưa ra thị trường

D. Các đáp án trên đều sai

**13. Khi lưu thông hàng hóa phát triển, việc thanh toán không dùng tiền mặt trở nên phổ biến thì số lượng tiền cần thiết cho lưu thông phụ thuộc vào các nhân tố sau:**

A. Số vòng quay trung bình của tiền tệ.

B. Tổng giá cả hàng hóa;

C. Tổng giá cả hàng hóa; tổng giá cả hàng hóa bán chịu; tổng giá cả hàng hóa khấu trừ cho nhau; tổng giá cả hàng hóa đến kỳ thanh toán; số vòng quay trung bình của tiền tệ.

D. Tổng giá cả hàng hóa bán chịu; tổng giá cả hàng hóa khấu trừ cho nhau; tổng giá cả hàng hóa đến kỳ thanh toán;

#### 14. Quy luật giá trị là ?

- A. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản
- B. Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và lưu thông hàng hóa
- C. Quy luật kinh tế chung của mọi xã hội
- D. Quy luật kinh tế cơ bản của nền sản xuất hàng hóa giản đơn

#### 15. Theo yêu cầu của quy luật giá trị thì trong sản xuất:

- A. Hao phí lao động cá biệt phải lớn hơn hao phí lao động xã hội cần thiết
- B. Các đáp án trên đều sai
- C. Hao phí lao động cá biệt phải nhỏ hơn hao phí lao động xã hội cần thiết

#### 16. Theo yêu cầu của quy luật giá trị thì trong trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, có nghĩa là

- A. Hao phí lao động cá biệt phải lớn hơn hao phí lao động xã hội cần thiết
- B. Phải tiến hành theo nguyên tắc ngang giá, lấy giá trị xã hội làm cơ sở, không dựa trên giá trị cá biệt.
- C. Các đáp án trên đều sai

#### 17. tác dụng của quy luật giá trị

- A. Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển;
- B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển; thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá người sản xuất hàng hoá thành người giàu, người nghèo, làm phát sinh QHSX TBCN.
- C. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá;

D. Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá người sản xuất hàng hoá thành người giàu, người nghèo, làm phát sinh QHSX TBCN.

**18. Trong lưu thông, quy luật giá trị điều tiết hàng hóa**

A. Từ nơi cung lớn hơn cầu đến nơi cung nhỏ hơn cầu.

B. Từ nơi cung nhỏ hơn cầu đến nơi cung lớn hơn cầu.

C. Các đáp án trên đều sai

**19. Trong lịch sử, sự tách biệt về mặt kinh tế giữa các chủ thể sản xuất bắt đầu xuất hiện khi: 36**

A. Chế độ CÔNG hữu về tư liệu sản xuất ra đời

B. Chế độ TƯ hữu về tư liệu sản xuất ra đời

C. Không có phương án nào đúng

**20. Quy luật giá trị có tác dụng điều tiết sản xuất hàng hoá, biểu hiện:**

A. Tự phát phân bổ TLSX và SLĐ (nguồn lực) vào các ngành sản xuất khác nhau

B. Các đáp án trên đều sai

C. Điều tiết nguồn hàng từ nơi có giá thấp đến nơi có giá cao

**21. Hàng hóa vật thể hữu hình, hàng hóa thông thường:**

A. Là giấy chứng nhận quyền sở hữu của một cổ đông về số tiền đã góp vào một công ty cổ phần

B. Bao gồm toàn bộ đất sản xuất (đất canh tác), đất xây dựng, làm giao thông, tài nguyên khoáng sản...

C. Không có phương án nào đúng

D. Là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.

**22. Giá trị sử dụng của hàng hóa:**

A. Lao động của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa

- B. Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định
- C. Là một quan hệ về số lượng, một tỷ lệ trao đổi giữa những giá trị sử dụng khác nhau
- D. Là công dụng của vật phẩm, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người;

**23. Thuộc tính tự nhiên của hàng hóa là gì?:**

- A. Giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa
- B. Giá trị sử dụng
- C. Giá trị trao đổi
- D. Giá trị của hàng hóa

**24. Giá trị sử dụng của hàng hóa do nhân tố nào quyết định:**

- A. Thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hóa
- B. vai trò của lao động cụ thể
- C. Không có phương án nào đúng

**25. Giá trị hàng hóa là: 39**

- A. Lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa
- B. Lao động cụ thể của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa
- C. Biểu hiện của giá trị sử dụng
- D. Biểu hiện của giá trị trao đổi

**26. Vì sao hàng hóa có 2 thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị?: 40**

- A. Vì lao động sản xuất hàng hóa có 2 loại: lao động giản đơn và lao động phức tạp
- B. Vì mục đích của sản xuất hàng hóa là để trao đổi hoặc để bán
- C. Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính 2 mặt: lao động cụ thể và lao động trừu tượng
- D. Vì đó là đặc trưng riêng có của nền kinh tế hàng hóa

**27. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất hàng hóa là:**

- A. Thời gian lao động trung bình để sản xuất hàng hóa
- B. Thời gian lao động hao phí của mỗi chủ thể trong việc sản xuất hàng hóa
- C. Thời gian lao động của từng người sản xuất
- D. Thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa trong điều kiện trung bình của xã hội**

**28. Lượng giá trị xã hội của hàng hóa do nhân tố nào quyết định? : 43**

- A. Lượng lao động của mỗi chủ thể trong việc sản xuất hàng hóa
- B. Số lượng và chất lượng giá trị sử dụng của hàng hóa
- C. Chi phí về máy móc, thiết bị và vật tư, nguyên vật liệu
- D. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa**

**29. Khi năng suất lao động tăng lên, trong điều kiện nhân tố khác không đổi thì: 44**

- A. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa không thay đổi
- B. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa tăng lên
- C. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa giảm xuống**

**30. Khi cường độ lao động tăng lên, trong điều kiện nhân tố khác không đổi thì: 45**

- A. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa giảm xuống
- B. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa không thay đổi**
- C. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa tăng lên

**31. Điểm giống nhau khi tăng năng suất lao động và cường độ lao động:**

- A. Tổng giá trị hàng hóa giảm xuống
- B. Giá trị sử dụng được tạo ra giảm xuống
- C. Giá trị 1 đơn vị hàng hóa giảm xuống
- D. Số lượng sản phẩm tăng lên**

**32. Kinh tế thị trường là :**



A. Là kiểu tổ chức kinh tế - xã hội mà ở đó sản phẩm được dùng để trao đổi - mua bán

B. Là kinh tế hàng hoá phát triển ở trình độ cao, trong đó yếu tố đầu vào và đầu ra đều được mua bán thông qua thị trường

C. Là một kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó sản phẩm được sản xuất ra cho người sản xuất và gia đình của họ

D. Là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định.

### 33. Lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa: 44

A. Tỷ lệ nghịch với số lượng lao động kết tinh và tỷ lệ thuận với năng suất lao động xã hội

B. Tỷ lệ thuận với số lượng lao động kết tinh vào hàng hóa và tỷ lệ nghịch với năng suất lao động tạo ra nó

C. Tỷ lệ thuận với số lượng lao động kết tinh và tỷ lệ thuận với năng suất lao động

D. Tỷ lệ nghịch với số lượng lao động kết tinh và tỷ lệ nghịch với năng suất lao động

### 34. Nguồn gốc của tiền:

A. Tiền là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị từ thấp đến cao

B. Tiền là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất hàng hóa

C. Tiền là kết quả của quá trình phát triển của trao đổi hàng hóa

D. Tiền là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa, là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị từ thấp đến cao.

### 35. Bản chất tiền tệ là gì?

A. Thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa

B. Là hàng hóa đặc biệt, làm vật ngang giá cho các hàng hóa khác

C. Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt được tách ra trong thế giới hàng hóa để làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa, tiền đo lường và biểu thị giá trị của hàng hóa và biểu thị mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa

D. Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau

**36. Khi nào tiền tệ ra đời ?**

- A. Khi vật ngang giá chung được cố định ở vàng, bạc
- B. Khi sản xuất và trao đổi đã phát triển**
- C. Tất cả các đáp án trên đều sai
- D. Khi không còn quan hệ trao đổi trực tiếp, có một thứ hàng hóa làm trung gian trong trao đổi

**37. Những chức năng nào của tiền tệ đòi hỏi phải có tiền vàng ?**

- A. Tất cả 5 chức năng
- B. Chỉ có chức năng thước đo giá trị
- C. Chức năng phương tiện lưu thông
- D. Chức năng thước đo giá trị, chức năng tích lũy, cất trữ và chức năng tiền tệ thế giới**

**38. Tại sao vàng được sử dụng làm tiền tệ?**

- A. Thuần nhất về chất, dễ chia nhỏ
- B. Với một lượng và thể tích nhỏ nhưng chứa đựng một giá trị lớn
- C. Thuần nhất về chất, dễ chia nhỏ; Không hư hỏng; Với một lượng và thể tích nhỏ nhưng chứa đựng một giá trị lớn**
- D. Không hư hỏng

**39. Giá cả hàng hóa là: 49**

- A. Là giá trị hàng hóa được biểu hiện bằng tiền hay nói cách khác là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa**
- B. Là giá trị hàng hóa được biểu hiện bằng tiền
- C. Là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa
- D. Là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị

**40. Giá cả hàng hóa chịu ảnh hưởng của các nhân tố: 50**

- A. Giá trị hàng hóa
- B. Giá trị tiền tệ

C. Giá trị hàng hóa; Giá trị tiền tệ; Quan hệ cung - cầu về hàng hóa

D. Quan hệ cung - cầu về hàng hóa

**41. Trọng tâm nghiên cứu của Chủ nghĩa trọng nông :**

A. Sản xuất công nghiệp

B. Sản xuất nông nghiệp

C. Lĩnh vực sản xuất

D. Lĩnh vực lưu thông

**42. Kinh tế- chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của:**

A. Kinh tế- chính trị hậu cổ điển

B. Chủ nghĩa trọng thương

C. Kinh tế chính trị cổ điển Anh

D. Chủ nghĩa trọng nông

**43. K.Marx :**

A. Đã thực hiện xây dựng hệ thống lý luận kinh tế chính trị mang tính cách mạng, khoa học, toàn diện về nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tìm ra những quy luật kinh tế chi phối sự hình thành, phát triển và luận chứng vai trò lịch sử của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

B. Đã khái quát đúng mục đích của các nhà tư bản là tìm kiếm lợi nhuận

C. Chỉ ra những đặc điểm kinh tế của độc quyền, độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

D. Là người có công lao vĩ đại trong việc công bố lý luận kinh tế chính trị, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác

**44. Tìm phương án KHÔNG ĐÚNG viết về cống hiến của K.Marx :**

A. Trình bày một cách khoa học và chinh thể các phạm trù cơ bản của nền kinh tế thị trường TBCN, rút ra các quy luật kinh tế cơ bản cũng như các quan hệ xã hội giữa các giai cấp trong nền kinh tế thị trường dưới bối cảnh nền sản xuất TBCN

B. Đã thực hiện xây dựng hệ thống lý luận kinh tế chính trị mang tính cách mạng, khoa học, toàn diện về nền sản xuất TBCN, tìm ra những quy luật kinh tế chi phối sự hình thành, phát triển và luận chứng vai trò lịch sử của PTSX TBCN

C. Đã xây dựng cơ sở khoa học, cách mạng cho sự hình thành chủ nghĩa Mác như một chính thể làm nền tảng tư tưởng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động

D. Chỉ ra những đặc điểm kinh tế của độc quyền, độc quyền nhà nước trong CNTB giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH...

**45. Học thuyết kinh tế nào của C.Mác được coi là hòn đá tảng? :**

A. Học thuyết giá trị thặng dư

B. Học thuyết tái sản xuất tư bản xã hội

C. Học thuyết tích lũy tư sản

D. Học thuyết giá trị lao động

**46. Chức năng phương pháp luận của kinh tế- chính trị Mác- Lênin thể hiện:**

A. Khám phá những quy luật chi phối sự phát triển của sản xuất và trao đổi.

B. Là nền tảng lý luận khoa học cho việc tiếp cận các khoa học kinh tế chuyên ngành

C. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong quá trình phát triển, tạo động lực thúc đẩy từng cá nhân và toàn xã hội sáng tạo

**47. Ai là người đầu tiên đưa ra danh từ "kinh tế- chính trị" ? : 12**

A. Antoine Montchretien

B. K.Marx

C. Francois Quesney

D. William Petty

**48. Lý luận Kinh tế chính trị của C.Mác và Ph.Ăngghen được thể hiện tập trung và cô đọng nhất trong tác phẩm: 16**

A. Bộ Tư bản

B. C. Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập

C. Chuyên luận về kinh tế chính trị

D. Của cải của các dân tộc

**49. Trọng tâm nghiên cứu của Chủ nghĩa trọng thương : 13**

A. Sản xuất nông nghiệp

**B. Lĩnh vực lưu thông**

C. Lĩnh vực sản xuất

D. Sản xuất công nghiệp

**50. Chủ nghĩa trọng thương cho rằng nguồn gốc của lợi nhuận là từ: 14**

A. Phần giá trị thặng dư mà nhà TB công nghiệp trả cho nhà TB thương nghiệp vì đã tiêu thụ H

**B. Thương nghiệp, thông qua việc mua rẻ, bán đắt**

C. Một phần của lợi nhuận bình quân

D. Phần giá trị thặng dư do công nhân trong công nghiệp tạo ra

**51. Chọn phương án đúng về quy luật kinh tế và chính sách kinh tế: 26**

A. Chính sách kinh tế là hoạt động chủ quan của nhà nước trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan.

B. Quy luật kinh tế là cơ sở của chính sách kinh tế

C. Quy luật kinh tế và chính sách kinh tế đều phụ thuộc vào các điều kiện khách quan.

**D. Cả 3 ý trên đều đúng**

**52. Để nghiên cứu kinh tế- chính trị Mác- Lênin có thể sử dụng nhiều phương pháp, phương pháp nào quan trọng nhất?: 27**

**A. Trừu tượng hoá khoa học**

B. Phân tích và tổng hợp

C. Mô hình hoá

D. Điều tra thống kê

### 53. Trừu tượng hoá khoa học là: 28

A. Nhận ra và gạt bỏ khỏi quá trình nghiên cứu những yếu tố ngẫu nhiên, những hiện tượng tạm thời, gián tiếp trên cơ sở đó tách ra được những dấu hiệu điển hình, bền vững, ổn định, trực tiếp của đối tượng nghiên cứu

B. Là phương pháp tái hiện trung thực bức tranh quá khứ của sự vật, hiện tượng theo đúng trình tự thời gian và không gian như nó đã từng diễn ra (quá trình ra đời, phát triển, tiêu vong).

C. Là phương pháp sắp xếp những thông tin đa dạng thu thập được từ các nguồn, các tài liệu khác nhau thành một hệ thống với một kết cấu chặt chẽ (theo quan điểm hệ thống – cấu trúc của việc xây dựng một mô hình lý thuyết trong nghiên cứu khoa học) để từ đó mà xây dựng một lý thuyết mới hoàn chỉnh giúp hiểu biết đối tượng được đầy đủ và sâu sắc hơn.

D. Là một phương pháp khoa học để nghiên cứu các đối tượng, các quá trình ... bằng cách xây dựng các mô hình của chúng (các mô hình này bảo toàn các tính chất cơ bản được trích ra của đối tượng đang nghiên cứu) và dựa trên mô hình đó để nghiên cứu trở lại đối tượng thực.

### 54. Chức năng nhận thức của kinh tế - chính trị là nhằm: 29

A. Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học cho những ai có mong muốn xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, hướng tới giải phóng con người, xóa bỏ dần những áp bức, bất công giữa con người với con người

B. Cung cấp hệ thống tri thức khoa học về sự vận động của các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi; về sự liên hệ tác động biện chứng giữa các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng trong những nấc thang phát triển khác nhau của nền sản xuất xã hội

C. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong quá trình phát triển, tạo động lực thúc đẩy từng cá nhân và toàn xã hội sáng tạo

D. Là nền tảng lý luận khoa học cho việc tiếp cận các khoa học kinh tế chuyên ngành

### 55. Chức năng tư tưởng của kinh tế- chính trị Mác – Lê nin thể hiện ở: 31

A. Là nền tảng lý luận khoa học cho việc tiếp cận các khoa học kinh tế chuyên ngành

B. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong quá trình phát triển, tạo động lực thúc đẩy từng cá nhân và toàn xã hội sáng tạo

C. Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học cho những ai có mong muốn xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, hướng tới giải phóng con người, xóa bỏ dần những áp bức, bất công giữa con người với con người

D. Khám phá những quy luật chi phối sự phát triển của sản xuất và trao đổi.

**56. Thuật ngữ "kinh tế - chính trị" được xuất hiện lần đầu tiên vào năm nào? : 12**

A. 1610

B. 1612

C. 1618

**D. 1615**

**57. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế- chính trị Mác-Lênin là: 23**

A. Yếu tố vật chất của lực lượng sản xuất, và biểu hiện cụ thể của kiến trúc thượng tầng

**B. Các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.**

C. Quan hệ thuộc một lĩnh vực, một khía cạnh của nền sản xuất xã hội

D. Nghiên cứu biểu hiện kỹ thuật của sự sản xuất và trao đổi

**58. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế- chính trị Mác-Lênin là: 23**

A. Quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý, quan hệ phân phối thu nhập

**B. Các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.**

C. Quan hệ xã hội giữa người với người

D. Quan hệ sản xuất trong mối quan hệ tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

**59. Mục đích nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 25**

A. Hướng tới cung cấp cơ sở khoa học góp phần thúc đẩy trình độ văn minh và phát triển toàn diện của xã hội

B. Phát hiện ra các quy luật chi phối các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi

C. Giúp cho các chủ thể trong xã hội vận dụng các quy luật kinh tế

**D. Cả 3 ý trên đều đúng**

**60. Quy luật kinh tế là: 25**

A. Là những mối liên hệ khách quan, tất yếu và phổ biến giữa các hiện tượng và các quá trình xã hội.

**B. Là những mối liên hệ phản ánh bản chất, khách quan, lặp đi lặp lại của các hiện tượng và quá trình kinh tế trong nền sản xuất xã hội tương ứng với những trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội ấy**

C. Đây là những quy luật tồn tại độc lập với luật lệ được đặt ra bởi một trật tự chính trị, xã hội hay một quốc gia.

D. Là sản phẩm chủ quan của con người được hình thành trên cơ sở nhận thức về hiện thực khách quan

---

[Previous page](#)

[Next page](#)

---

**Question 1**

Thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo ?:

A. Kinh tế tập thể

B. Kinh tế nhà nước

C. Kinh tế tư nhân

D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

**Question 2**

Thành phần kinh tế nào là một động lực quan trọng ?:

A. Kinh tế tư nhân

B. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

C. Kinh tế tập thể

D. Kinh tế nhà nước

**Question 3**



Những thành phần kinh tế nào ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân:

- A. Kinh tế nhà nước và Kinh tế tập thể
- B. Kinh tế tập thể và Kinh tế tư nhân
- C. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và Kinh tế nhà nước
- D. Kinh tế tư nhân và Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

#### Question 4

Hình thức phân phối thu nhập cá nhân nào chưa có trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam :

- A. phân phối theo nhu cầu
- B. phân phối theo phúc lợi
- C. phân phối theo lao động
- D. phân phối theo hiệu quả kinh tế

#### Question 5

Đâu không phải là đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường?:

- A. Có sự điều tiết của nhà nước.
- B. Nhà nước quản lý nền KTTT là Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản
- C. Các chủ thể kinh tế có tính độc lập, tự chủ cao, giá cả do thị trường quyết định
- D. Nền kinh tế vận động theo các quy luật của kinh tế thị trường

#### Question 6

Đâu là đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường?:

- A. Nền kinh tế vận động theo các quy luật của kinh tế thị trường
- B. Các chủ thể kinh tế có tính độc lập, tự chủ cao, giá cả do thị trường quyết định
- C. Có sự điều tiết của nhà nước.
- D. Tất cả các phương án trên

### Question 7

Các thành phần kinh tế mâu thuẫn với nhau vì:

- A. Dựa trên các hình thức sở hữu khác nhau
- B. Tất cả các phương án trên
- C. Có lợi ích kinh tế khác nhau
- D. Có xu hướng vận động khác nhau

### Question 8

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần có vai trò gì?:

- A. Làm cho NSLĐ tăng, kinh tế tăng trưởng nhanh và hiệu quả
- B. Tất cả các phương án trên
- C. Cho phép khai thác, sử dụng có hiệu quả các yếu tố sản xuất các nguồn lực và tiềm năng của nền kinh tế
- D. Thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển, khoa học, công nghệ phát triển nhanh

### Question 9

Chọn các ý đúng về sở hữu và thành phần kinh tế:

- A. Một thành phần kinh tế chỉ tồn tại thông qua 1 hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh
- B. Một hình thức sở hữu có thể hình thành nhiều thành phần kinh tế
- C. Tất cả các phương án trên
- D. Một hình thức sở hữu hình thành 1 thành phần kinh tế

### Question 10

Thành phần kinh tế nhà nước hình thành bằng cách:

- A. Nhà nước đầu tư xây dựng
- B. Tất cả các phương án trên
- C. Góp cổ phần không chế với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác
- D. Quốc hữu hoá kinh tế tư bản tư nhân

Question 11

Thành phần kinh tế nhà nước bao gồm:

- A. Các tài sản thuộc sở hữu toàn dân
- B. Tất cả các phương án trên
- C. Các quỹ dự trữ quốc gia, quỹ bảo hiểm nhà nước
- D. Các DNNN, các tổ chức kinh tế của nhà nước

Question 12

Phạm trù kinh tế nhà nước:

- A. Trùng với phạm trù kinh tế quốc doanh
- B. Rộng hơn phạm trù DNNN
- C. Hẹp hơn phạm trù DNNN
- D. Trùng với phạm trù DNNN

Question 13 Chọn ý đúng trong các ý dưới đây:

- A. Sở hữu là mục đích của cách mạng XHCN
- B. Công hữu càng nhiều thì tính chất XHCN càng cao
- C. Là hình thức, là phương tiện để phát triển LLSX, nâng cao đời sống nhân dân
- D. Sở hữu nhà nước là sở hữu toàn dân

Question 14: Nguyên nhân tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong TKQĐ ở nước ta là do:

- A. Tất cả các phương án trên
- B. Do quá trình cải tạo và xây dựng QHSX mới
- C. Do trình độ LLSX còn nhiều thang bậc khác nhau, còn nhiều quan hệ sở hữu về TLSX
- D. Do xã hội cũ để lại

Question 15

Thành phần kinh tế là khu vực kinh tế, kiểu quan hệ kinh tế dựa trên:

- A.Một hình thức sở hữu nhất định về TLSX
- B.Một QHSX nhất định
- C.Tất cả các phương án trên
- D.Một trình độ nhất định của LLSX

Question 16

Chọn phương án đúng:

- A.Sự thay đổi của các hình thức sở hữu là quá trình lịch sử tự nhiên
- B.Các hình thức sở hữu TLSX do nhà nước đặt ra
- C.Sự biến đổi các hình thức sở hữu do con người quy định
- D.Tất cả các phương án trên đều đúng

Question 17

Sở hữu xét về mặt pháp lý là:

- A.Mang lại thu nhập cho chủ sở hữu
- B.Quy định về quyền kế thừa, thế chấp đối tượng sở hữu
- C.Quy định về quyền chuyển nhượng, cho thuê đối tượng sở hữu
- D.Thể hiện những quy định mang tính chất pháp luật về quyền hạn, nghĩa vụ của chủ thể sở hữu.

Question 18

Sở hữu tư nhân ở nước ta gồm có:

- A.Tất cả các phương án
- B.Sở hữu cá thể
- C.Sở hữu tiểu chủ
- D.Sở hữu tư bản tư nhân

Question 19

Sở hữu tồn tại thể nào?:

- A. Tồn tại thông qua các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh
- B. Tồn tại thông qua các thành phần kinh tế
- C. Tồn tại thông qua các thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh
- D. Tồn tại độc lập

#### Question 20

Thể nào là quan hệ sở hữu:

- A. Là quan hệ giữa người với người, giữa các giai cấp về đối tượng sở hữu
- B. Là quan hệ giữa chủ thể sở hữu với đối tượng sở hữu
- C. Tất cả các phương án đều đúng
- D. Là quan hệ giữa các chủ thể sở hữu với nhau.

#### Question 21

Chọn mệnh đề đúng dưới đây:

- A. Mỗi PTSX có 1 hình thức sở hữu TLSX
- B. Mỗi PTSX có nhiều hình thức sở hữu TLSX và trong mỗi PTSX có 1 loại hình sở hữu TLSX đặc trưng
- C. Mỗi PTSX có nhiều hình thức sở hữu TLSX
- D. Trong mỗi PTSX có 1 loại hình sở hữu TLSX đặc trưng

#### Question 22

Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta được chính thức nêu ra ở Đại hội nào của Đảng CSVN?:

- A. Đại hội VIII
- B. Đại hội IX
- C. Đại hội VII
- D. Đại hội VI

### Question 23

Phạm trù chiếm hữu là:

- A. Hành vi chưa xuất hiện trong xã hội nguyên thủy
- B. Là quan hệ giữa người với người trong việc chiếm hữu của cải.
- C. Là phạm trù lịch sử
- D. Biểu hiện quan hệ giữa người với tự nhiên trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất.

### Question 24

Phạm trù sở hữu:

- A. Là hình thức xã hội của chiếm hữu trong một xã hội nhất định.
- B. Là điều kiện trước tiên của hoạt động sản xuất vật chất
- C. Là biểu hiện quan hệ giữa người với tự nhiên trong quá trình sản xuất
- D. Là phạm trù vĩnh viễn

### Question 25

Thể chế KTTT định hướng XHCN là:

- A. là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- B. là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế và các quan hệ kinh tế.
- C. là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh các chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- D. là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế.

### Question 26

Đâu không phải là đặc trưng riêng có của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam ?:

- A.Kinh tế nhà nước và Kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân
- B.Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo
- C.Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sự làm chủ và giám sát của nhân dân
- D.Có sự điều tiết của nhà nước

#### Question 27

Hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh điển hình của thành phần kinh tế tư nhân :

- A.Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên
- B.Doanh nghiệp liên doanh
- C.Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân
- D.Doanh nghiệp nhà nước

#### Question 28

Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế:

- A.Tất cả các yếu tố trên
- B.Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C.Địa vị của chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất XH
- D.Chính sách phân phối thu nhập của nhà nước, Hội nhập kinh tế quốc tế

#### Question 29

KTTT định hướng XHCN là :

- A. là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh các chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

- B. là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế và các quan hệ kinh tế.
- C. là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế.
- D. là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

#### Question 30

Xét về logic và lịch sử thì sản xuất hàng hoá xuất hiện từ khi nào?:

- A. Cuối xã hội nô lệ, đầu xã hội phong kiến
- B. Xã hội chiếm hữu nô lệ
- C. Cuối xã hội nguyên thủy, đầu xã hội nô lệ
- D. Trong xã hội phong kiến.

#### Question 31

Phân phối theo lao động là nguyên tắc cơ bản, áp dụng cho:

- A. Chỉ áp dụng cho các thành phần dựa trên sở hữu công cộng về TLSX
- B. Cho tất cả các thành phần kinh tế trong TKQĐ
- C. Thành phần kinh tế nhà nước
- D. Thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư bản nhà nước

#### Question 32

Vì sao trong thành phần kinh tế dựa trên sở hữu công cộng phải thực hiện phân phối theo lao động?:

- A. Vì mọi người bình đẳng đối với TLSX
- B. Vì LLSX phát triển chưa cao
- C. Vì còn phân biệt các loại lao động
- D. Cả a, b, c



### Question 33

Quan hệ nào có vai trò quyết định đến phân phối?:

- A. Quan hệ xã hội, đạo đức
- B. Quan hệ tổ chức quản lý
- C. Quan hệ sở hữu TLSX
- D. Cả 3 quan hệ trên

### Question 34

Động lực quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế là:

- A. Lợi ích kinh tế
- B. Cả Lợi ích chính trị xã hội và Lợi ích văn hoá, tinh thần
- C. Lợi ích chính trị xã hội
- D. Lợi ích văn hoá, tinh thần

### Question 35

Not flaggedFlag question

Question text

Hiện nay trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, nhà nước có chức năng kinh tế gì?:

- A. Hạn chế, khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường
- B. Tất cả các phương án trên
- C. Định hướng phát triển kinh tế và điều tiết các hoạt động kinh tế làm cho kinh tế tăng trưởng ổn định, hiệu quả
- D. Đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội; tạo lập khuôn khổ pháp luật cho hoạt động kinh tế

### Question 36

Flag question

Question text

Hiện nay ở Việt Nam, nhà nước sử dụng các công cụ gì để điều tiết vĩ mô kinh tế thị trường?:

A. Kế hoạch hoá

B. Lực lượng kinh tế của nhà nước, chính sách tài chính, tiền tệ, các công cụ điều tiết kinh tế đối ngoại

C. Tất cả các phương án trên

D. Hệ thống pháp luật

Question 37

Flag question

Question text

Xác định các câu trả lời đúng về sự điều tiết vĩ mô của nhà nước là nhằm:

A. Đảm bảo cho nền kinh tế hoạt động có hiệu quả

B. Tất cả các phương án trên

C. Phát huy tác động tích cực của cơ chế thị trường

D. Hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế thị trường

Clear my choice

Question 38

Flag question

Question text

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, nội dung quản lý kinh tế nhà nước là:

- A. Tổ chức thực hiện kế hoạch
- B. Xây dựng kế hoạch để thực hiện mục tiêu chiến lược
- C. Quyết định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
- D. Tất cả các phương án trên

Clear my choice

Question 39

Flag question

Question text

Tìm câu trả lời chính xác nhất cho câu hỏi dưới đây về cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là :

- A. Tổng hòa những quan hệ kinh tế
- B. Cơ chế thị trường do "bàn tay hữu hình" chi phối
- C. Hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế.
- D. Cơ chế điều tiết nền kinh tế tự phát

Clear my choice

Question 40

Flag question

Question text

Hãy chọn câu trả lời chính xác nhất trong các câu dưới đây: ở nước ta hiện nay tồn tại nhiều hình thức phân phối thu nhập vì:

- A. Còn tồn tại nhiều kiểu QHSX khác nhau

- B. Do LLSX có nhiều trình độ khác nhau
- C. Còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh
- D. Còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu TLSX

Question 41

Các cách diễn tả giá trị hàng hoá dưới đây, cách nào SAI ?::

- A.  $k + p$  bình quân;
- B. giá trị cũ + giá trị mới;
- C.  $c + (v + m)$
- D.  $c + v + m$ ;

Question 42. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa là:

- A. Người lao động không được tự do về thân thể và có tư liệu sản xuất
- B. Người lao động được tự do về thân thể và có tư liệu sản xuất
- C. Người lao động được tự do về thân thể và không có tư liệu sản xuất
- D. Người lao động không được tự do về thân thể và không có tư liệu sản xuất

Question 43

Các cách diễn tả dưới đây, cách nào SAI ?::

- A. Giá trị mới của sản phẩm:  $v + m$ ;
- B. Giá trị của sản phẩm mới:  $v + m$ ;
- C. Giá trị của TLSX:  $c$ ;
- D. Giá trị của sức lao động:  $v$

Question 44

Trong các diễn đạt sau về tư bản, hãy tìm ra phương án SAI ?:

- A. Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư

- B. Tư bản là tiền, là giá trị có bản năng tự tăng lên
- C. Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê
- D. Tư bản sinh ra trong lưu thông xét trên phạm vi toàn xã hội

Question 45

Đâu KHÔNG phải là hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư ?:

- A. Lợi nhuận
- B. Lợi tức
- C. Giá cả độc quyền
- D. Địa tô